

Trong những năm gần đây, tốc độ xuất khẩu, đầu tư của nước ta ngày càng tăng trưởng cao, góp phần quan trọng vào thành tựu chung của nền kinh tế. Có thể nói, đây là những kết quả đáng tự hào, ghi nhận những nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và góp vào thành công đó, chính sách tín dụng hỗ trợ đầu tư và xuất khẩu của Nhà nước có vai trò rất lớn. Theo thống kê, Tổng mức tài chính cho vay đối với các mục tiêu này hàng năm đạt trên 10.000 tỷ đồng (Riêng năm 2005 là 11.600 tỷ đồng). Tuy nhiên, bên cạnh đó, chính sách này vẫn còn nhiều bất cập như danh mục dự án được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển còn dàn trải, sự bao cấp đối với các doanh nghiệp còn rộng. Trong khi đó, lộ trình gia nhập WTO của nước ta đã về gần đến đích. Vì vậy, đổi mới chính sách tín dụng xuất khẩu, tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là tất yếu khách quan...

## ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ XUẤT KHẨU

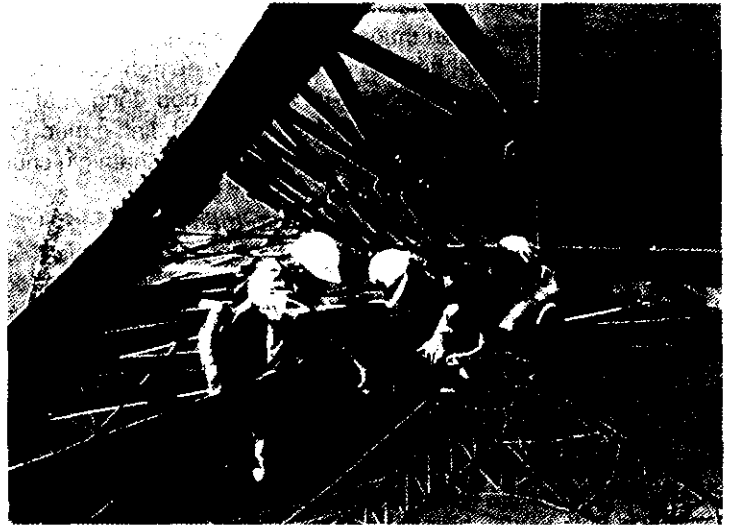
Nam Phương

Theo Bộ Tài chính (Cơ quan được Chính phủ giao nhiệm vụ soạn thảo Nghị định mới về tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước), chính sách này sẽ được đổi mới theo hướng phù hợp với đặc điểm tính chất của tín dụng xuất khẩu và tín dụng đầu tư phát triển của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, sẽ cho vay và bảo lãnh tín dụng những dự án đầu tư có khả năng thu hồi vốn trực tiếp thuộc một số lĩnh vực quan trọng, chương trình kinh tế lớn của Chính phủ trong từng thời kỳ; Một dự án đầu tư chỉ được tham dự một hình thức tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án (không kể vốn lưu động); Hỗ trợ sau đầu tư chỉ áp dụng cho một số dự án thuộc đối tượng vay vốn đầu tư thuộc nhóm xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển nông nghiệp phù hợp với quy định về trợ cấp theo thông lệ quốc tế;

Được biết, Danh mục vay vốn đầu tư phát triển của Nhà nước từ năm nay sẽ bám sát kế hoạch phát triển kinh tế của Chính phủ giai đoạn 2006-2010, chia thành các nhóm: Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (1); Phát triển nông nghiệp (2); Một số dự án

phát triển công nghiệp (3); Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài, thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (4).

**Về lãi suất cho vay:** Theo quy định tại Nghị định số 106/2004/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, lãi suất cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước quy định thống nhất một mức (tương đương 70% lãi suất cho vay thương mại) cho mọi đối tượng và không tính đến thời hạn vay vốn khác nhau giữa các dự án. Tuy nhiên, theo các nhà hoạch định chính sách, phương pháp xác định lãi suất này còn mang nhiều tính chủ quan và bao cấp từ Nhà nước, làm hạn chế tính chủ động và tự chịu trách nhiệm từ chủ dự án nên dự thảo Nghị định mới về tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước quy định lãi suất cho vay được xác định cho từng nhóm đối tượng và thời hạn vay vốn: Đối với nhóm 1 và 2 sẽ được áp dụng lãi suất ưu đãi bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm; Đối với nhóm 3 và 4 được áp dụng lãi suất tối thiểu bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ (kỳ hạn 5 năm) cộng



Tín dụng Nhà nước cần đầu tư có trọng điểm

1%/năm. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng đầu tiên và cố định cho cả kỳ hạn vay.

Theo Bộ Tài chính, sở dĩ quy định mức lãi suất dựa trên cơ sở lãi suất Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm + 1% là do đối tượng của tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu chủ yếu là cho các doanh nghiệp trong nước, việc lấy lãi suất Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm làm cơ sở để xác định lãi suất cho vay phù hợp với quy định của OECD (Tổ chức hợp tác và phát triển quốc tế) là lãi suất cho vay phải đảm bảo nguyên tắc lãi suất thị trường và được tính bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ + 1% + rủi ro (quốc gia, người vay).

Về bảo lãnh tín dụng đầu tư được áp dụng cho các dự án thuộc đối tượng vay vốn, nhưng không vay tín dụng đầu tư phát triển và dự án đầu tư khác tại vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn. Và để khuyến khích các đối tượng tham gia hình thức này, Chính phủ sẽ không thu phí bảo lãnh.

**Chính sách hỗ trợ sau đầu tư** chỉ áp dụng cho dự án thuộc đối tượng vay vốn đầu tư thuộc nhóm xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển nông nghiệp; Hỗ trợ một phần lãi suất cho chủ đầu tư vay vốn thương mại để

đầu tư dự án, sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được nợ vay (vay các tổ chức tín dụng hoặc phát hành trái phiếu để phát triển thị trường vốn); Để khuyến khích các đối tượng tham gia hình thức này, mức hỗ trợ sau đầu tư tương đương chênh lệch giữa lãi suất vay vốn đầu tư thương mại và 90% lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư phát triển áp dụng cho Nhóm dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển nông nghiệp.

**Về tín dụng xuất khẩu sẽ bao gồm các hình thức:**

**Cho vay xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ đối với người bán (trong nước)** được áp dụng cho các doanh nghiệp đã ký kết được hợp đồng xuất khẩu những loại hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục khuyến khích xuất khẩu, phát huy lợi thế của Việt Nam; **Cho vay bên mua (nước ngoài):** Cho vay trực tiếp dành cho khách hàng nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ của Việt Nam (Thuộc danh mục khuyến khích xuất khẩu) khi được Chính phủ (nước ngoài) bảo lãnh. Hoạt động này được thiết kế để có thể cung cấp trực tiếp vốn vay cho các khách hàng nước ngoài mua hàng hoá dịch vụ của Việt Nam. Tuy nhiên, việc cho vay này cần có sự bảo lãnh từ Chính phủ Ngân hàng trung ương của bên mua nước ngoài.

**Bảo lãnh tín dụng xuất khẩu cho các nhà xuất khẩu Việt Nam:** Được áp dụng cho các đối tượng bảo lãnh là nhà xuất khẩu có hợp đồng xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ khuyến khích xuất khẩu khi vay vốn tại các Ngân hàng thương mại; Phương thức cung cấp bảo lãnh tín dụng thực hiện cho từng hợp đồng xuất khẩu, mỗi một hợp đồng xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp, nếu thuộc danh mục mặt hàng theo quy định được xem xét bảo lãnh tín dụng. Mức bảo lãnh tín dụng theo đề nghị của nhà xuất khẩu và ngân hàng cho vay, nhưng tối đa bằng 85% giá trị hợp đồng xuất khẩu; Phí bảo lãnh đang được Bộ Tài chính đề nghị Chính phủ quyết định ở mức 1%/năm tính trên số dư bảo lãnh nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chương trình bảo lãnh tín dụng xuất khẩu

**Bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng:** Thông thường, để có được hợp đồng xuất khẩu, các doanh nghiệp phải tham gia đấu thầu cạnh tranh. Khi tham gia đấu thầu, các doanh nghiệp xuất khẩu phải đặt cọc một khoản tiền hoặc bảo lãnh trước khi dự thầu hay cho quá trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu; Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu thông qua việc cung cấp bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình dự thầu, tìm kiếm và thực hiện hợp đồng xuất khẩu. Đối tượng bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu là các doanh nghiệp xuất khẩu các hàng hoá, dịch vụ khuyến khích xuất khẩu. Mức bảo lãnh tối đa không quá 3% giá dự thầu (đối với bảo lãnh dự thầu), 10% giá trị hợp đồng (đối với bảo lãnh thực hiện hợp đồng). Thời hạn bảo lãnh theo thời hạn thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp xuất khẩu. Doanh nghiệp được bảo lãnh phải trả phí bảo lãnh bằng 0,5%/năm trên giá trị bảo lãnh, nhưng tối đa bằng 100 triệu đồng/1 hợp đồng bảo lãnh.

Về bảo đảm tiền vay, theo dự thảo Nghị định, các chủ đầu tư khi vay vốn đầu tư hoặc được bảo lãnh tín dụng đầu tư được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm tiền vay. Trường hợp tài sản hình thành từ vốn vay không đủ điều kiện làm tài sản bảo đảm tiền vay, chủ đầu tư phải có tài sản bảo đảm tiền vay giá trị tối thiểu bằng 15% khoản vay; Đối với nhà xuất khẩu khi vay vốn hoặc được bảo lãnh tín dụng phải thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay, bảo lãnh tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật. Được miễn tài sản thế chấp khi bảo lãnh dự thầu hoặc bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Cũng theo Bộ Tài chính, việc đổi mới chính sách về tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đòi hỏi phải đổi mới cả về phương thức tổ chức thực hiện. Vì vậy, cùng với quá trình đổi mới về chính sách, cần phải chuyển đổi mô hình Quỹ hỗ trợ phát triển thành Ngân hàng phát triển Việt Nam để thực hiện chính sách của Chính phủ. Đề án thành lập Ngân hàng này đã được Bộ Tài chính hoàn chỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ ký trong thời gian tới. Theo đó, Ngân hàng phát triển Việt Nam sẽ hoạt động với tính chuyên nghiệp cao, công khai, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế, năng lực tài chính và năng lực hoạt động đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới, với những ưu điểm một mặt không cạnh tranh với hệ thống ngân hàng thương mại, mặt khác có tác dụng bổ trợ cho kênh tín dụng thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế...■



Trong hội nhập, doanh nghiệp luôn phải đối diện với những thách thức, cạnh

tranh gay gắt để nâng cao uy tín, hiệu quả kinh doanh, mở rộng thị trường không biên giới. Đóng góp vào quá trình cạnh tranh thành công của doanh nghiệp, các hệ thống phân phối hàng hoá có vai trò hết sức quan trọng. Hệ thống phân phối hàng hoá là hệ thống các mối quan hệ của tập hợp các doanh nghiệp, cá nhân độc lập và phụ thuộc lẫn nhau cùng tham gia vào quá trình đưa hàng hoá từ sản xuất đến người tiêu dùng. Mối quan hệ này giúp doanh nghiệp tạo được lợi thế cạnh tranh bền vững mở rộng thị trường, thành công trong kinh doanh.

Khi tham gia vào hệ thống phân phối hàng hoá cũng có nghĩa là doanh nghiệp đã chủ động xây dựng các khối liên kết theo chiều ngang - dọc, thể hiện sự chuyên môn hoá và hợp tác trong dây chuyền cung cấp sản phẩm. Điều này giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, giúp cho sản phẩm nhanh chóng đến với người tiêu dùng, nâng cao sức cạnh tranh so với các đối thủ trên thị trường. Đồng thời, khi tham gia doanh nghiệp được hưởng những lợi ích kinh tế nhờ hoạt động phối hợp, giám sát, có mối quan hệ ổn định, tiếp cận thông tin chính xác, nhanh nhạy với thị trường.

Các doanh nghiệp Việt Nam nếu tạo dựng được cho mình hệ thống phân phối hàng hoá hiệu quả cũng có nghĩa là tạo lập được lợi thế cạnh tranh, đảm bảo được lợi ích của mình trước các đối thủ quốc tế. Cùng với các cam kết tự do hoá thương mại và đầu tư để hội nhập kinh tế quốc tế, các rào cản thuế quan, sự bảo hộ của Nhà nước sẽ dần được dỡ bỏ, khi